FireAnt

Tổng CTCP May Việt Tiến (UPCOM: VGG)

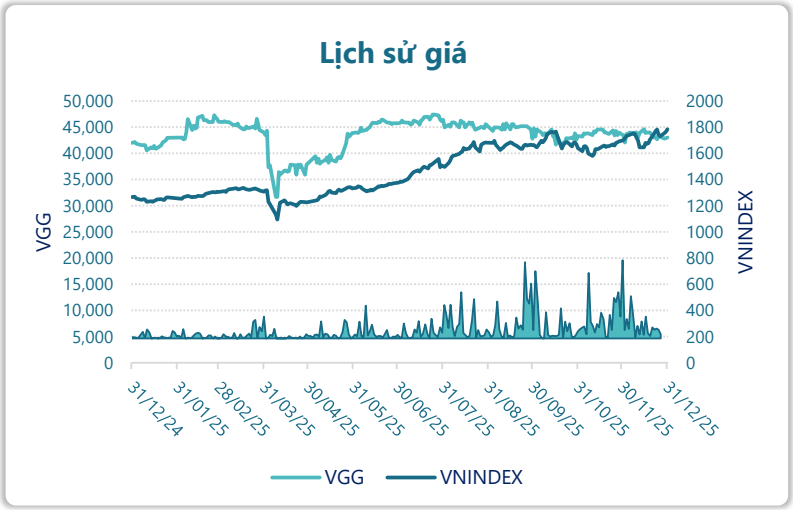

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**43,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	47,422
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	31,687
SL cổ phiếu LH	44,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,775
% sở hữu nước ngoài	15.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,896
P/E	4.5
EPS	9,502

DT thuần

Q4/25

2,612

tỷ VNĐ

QoQ: ▼110| -4.0%

YoY: ▲ 482| 22.6%

LN sau thuế

Q4/25

117

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.00| -5.9%

YoY: ▲ 16.0| 15.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.0%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

2025

10,509

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 756| 7.7%

LN sau thuế

2025

441

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 77.0| 21.4%

ROE

2025

18.1%

+/- YoY: ▲ 1.4%

Kết quả kinh doanh

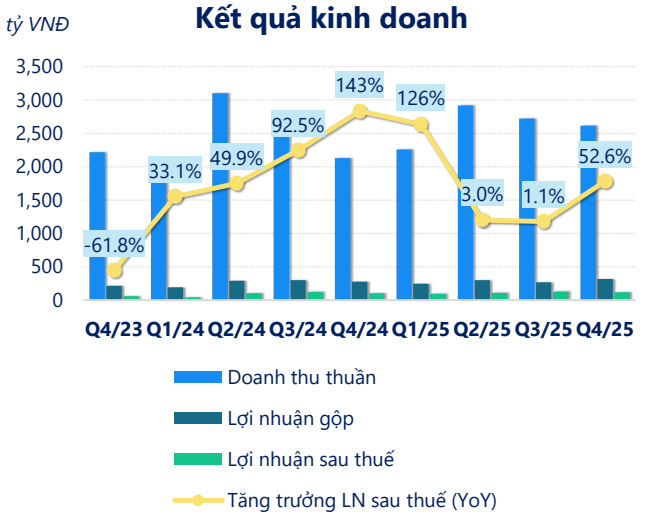

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

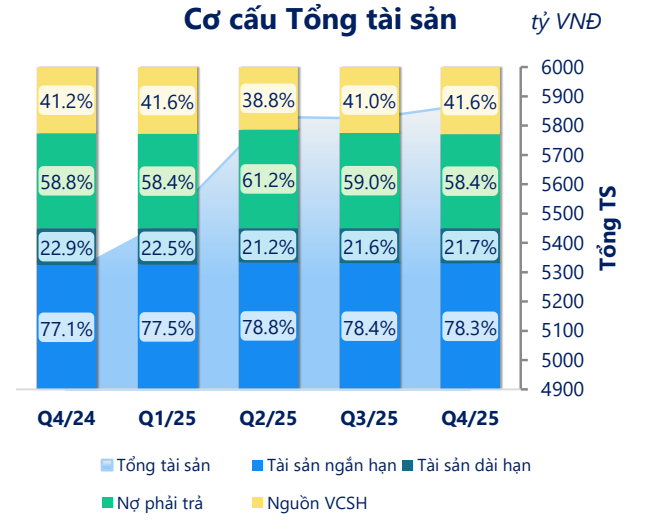

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

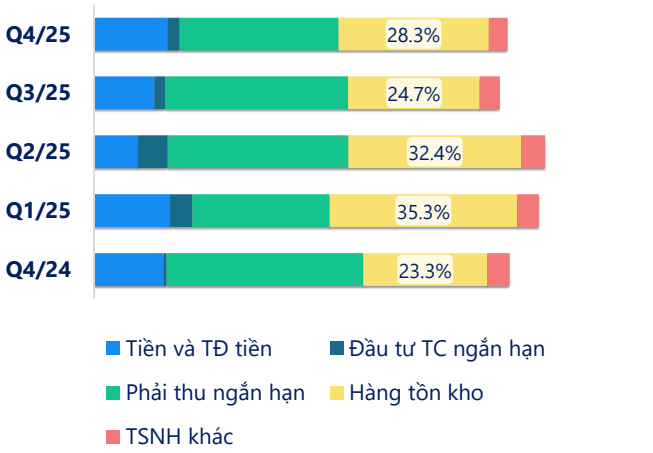

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

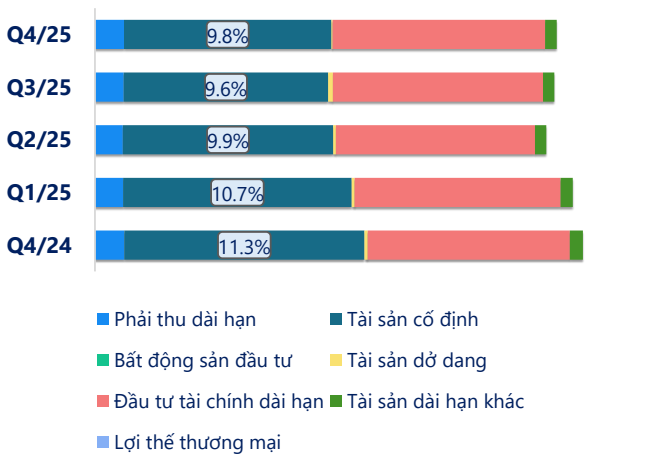

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

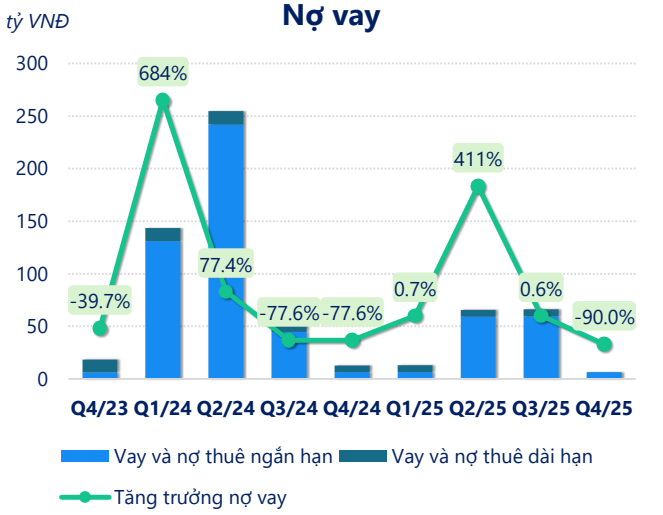

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

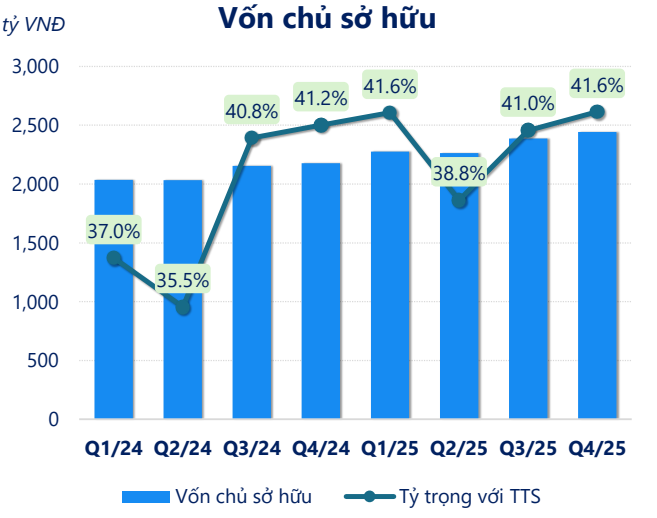

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

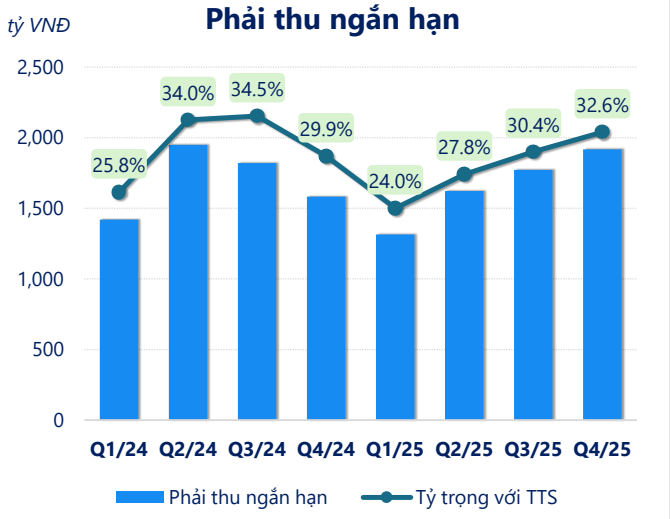

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

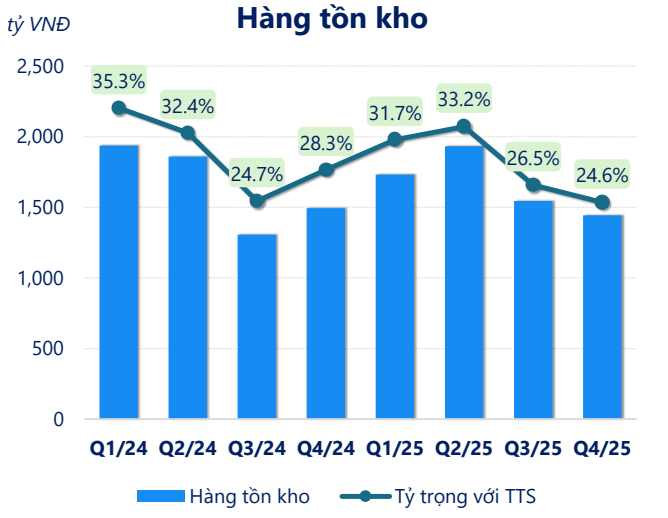

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

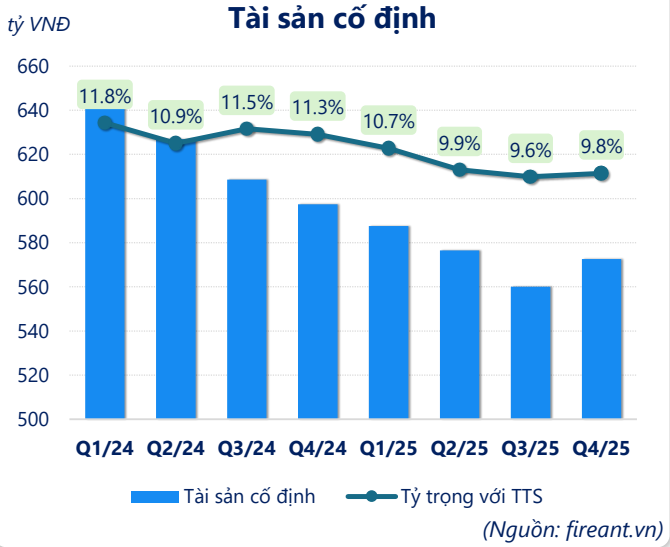

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

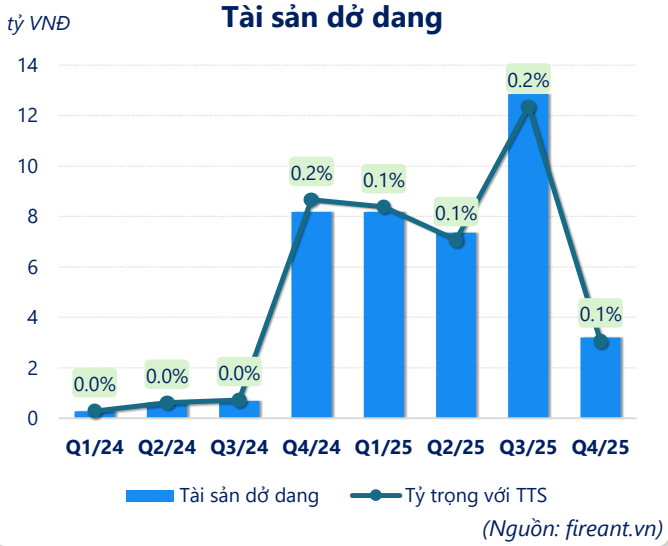

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

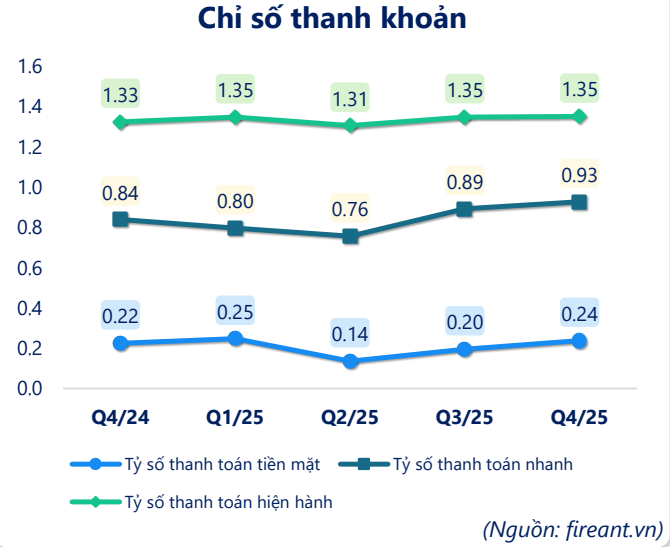

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

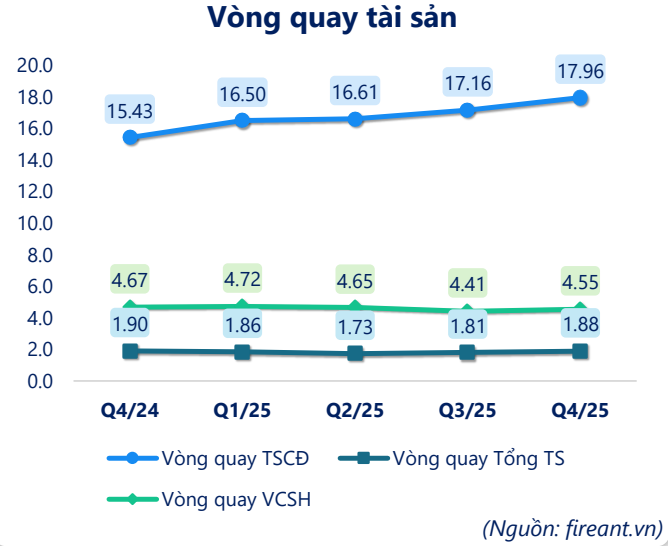

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**5,290**	**5,473**	**5,830**	**5,824**	**5,873**
Tài sản ngắn hạn	**4,077**	**4,243**	**4,593**	**4,567**	**4,597**
Tiền và tương đương tiền	691	780	477	662	810
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	215	257	282	120
Phải thu ngắn hạn	1,582	1,314	1,623	1,772	1,916
Hàng tồn kho	1,495	1,733	1,933	1,544	1,442
Tài sản ngắn hạn khác	188	202	302	306	309
Tài sản dài hạn	**1,213**	**1,230**	**1,237**	**1,258**	**1,275**
Phải thu dài hạn	72.8	72.7	76.4	78.8	80.3
Tài sản cố định	597	588	576	560	573
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	8.19	8.19	7.36	12.9	3.20
Đầu tư tài chính dài hạn	503	530	546	575	587
Tài sản dài hạn khác	32.1	31.4	30.8	30.5	32.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,112**	**3,199**	**3,566**	**3,436**	**3,430**
Nợ ngắn hạn	**3,076**	**3,148**	**3,516**	**3,386**	**3,401**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.39	6.43	59.2	59.5	6.59
Phải trả người bán ngắn hạn	1,860	2,085	2,206	2,045	2,091
Nợ dài hạn	36.1	50.3	50.4	50.5	29.2
Vay và nợ thuê dài hạn	6.39	6.43	6.58	6.61	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,178**	**2,275**	**2,264**	**2,388**	**2,442**
Vốn chủ sở hữu	**2,178**	**2,275**	**2,264**	**2,388**	**2,442**
Vốn điều lệ	441	441	441	441	441
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)